

DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC CÔNG NHẬN VÀ CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 116/QĐ-CDYT, ngày 19 tháng 8 năm 2015, của trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang.)

Khoá học: 2013-2015

Ngành DT: Y sĩ

Khoa: Y

Chuyên ngành: Y sĩ

Bậc đào tạo: Trung cấp chính quy

Lớp học: Y sĩ K.DP6A

TT	Mã học sinh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	TBC TK	TL HT TL (%)	Môn thi tốt nghiệp									Kết quả tốt nghiệp		
								CTTN			LTTH			THNN			TBTN	TBXH	XHTN
								L1	L2	L3	L1	L2	L3	L1	L2	L3			
1	20513002	Lương Thị Thúy	An	12/04/1994	Mỹ Tho, Tiền Giang	7.0	1.2	8.0			7.5			7.0			7.5	7.3	Khá
2	20513003	Trần Lê Tú	Anh	21/11/1994	Mỹ Tho, Tiền Giang	7.3	3.5	8.5			8.0			6.5			7.7	7.5	Khá
3	20513006	Trần Lê Ngọc	Cầm	12/01/1994	Mỹ Tho, Tiền Giang	7.1	1.2	5.5			5.5			8.0			6.3	6.7	Trung bình khá
4	20513008	Phan Thị Ngọc	Châu	06/08/1994	Tân Phước, Tiền Giang	7.5	0.0	8.5			7.5			6.5			7.5	7.5	Khá
5	20513009	Hồ Huỳnh Cầm	Chu	11/04/1988	Gò Công, Tiền Giang	7.0	1.2	8.0			6.0			5.5			6.5	6.8	Trung bình khá
6	20513010	Phạm Hữu	Danh	28/02/1994	Chợ Gạo, Tiền Giang	6.8	4.7	8.0			7.5			7.0			7.5	7.2	Khá
7	20513011	Võ Thị Hoa Anh	Đào	09/08/1994	Cai Lậy, Tiền Giang	7.2	0.0	8.0			7.5			6.5			7.3	7.3	Khá
8	20513012	Đào Tuấn	Đạt	20/10/1994	Tân Phú Đông, Tiền Giang	6.9	0.0	8.5			7.5			7.5			7.8	7.4	Khá
9	20513013	Trần Ngọc Thùy	Dương	07/10/1994	Mỹ Tho, Tiền Giang	6.8	10.6	6.5			5.5			5.0			5.7	6.3	Trung bình khá
10	20513014	Trịnh Thị Thúy	Hằng	02/02/1995	Cai Lậy, Tiền Giang	6.8	8.2	5.5			5.0			6.5			5.7	6.3	Trung bình khá
11	20513015	Lê Nguyễn Cầm	Hằng	22/01/1994	Cai Lậy, Tiền Giang	6.9	4.7	7.0			6.0			5.0			6.0	6.5	Trung bình khá
12	20513016	Nguyễn Thế	Hiền	11/07/1994	Mỹ Tho, Tiền Giang	6.6	10.6	7.5			5.5			5.5			6.2	6.4	Trung bình khá
13	20513017	Huỳnh Thái	Hòa	07/12/1994	Chợ Gạo, Tiền Giang	6.8	7.1	8.5			6.5			8.0			7.7	7.3	Khá
14	20513018	Lê Thị Diễm	Hương	23/12/1993	Tân Phước, Tiền Giang	6.7	8.2	8.0			5.5			6.5			6.7	6.7	Trung bình khá

TT	Mã học sinh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	TBC TK	TL HT TL (%)	Môn thi tốt nghiệp									Kết quả tốt nghiệp		
							CTTN			LTTH			THNN			TBTN	TBXH	XHTN
							L1	L2	L3	L1	L2	L3	L1	L2	L3			
5	20513019	Nguyễn Nhật	Khánh	30/10/1993	Mỹ Tho, Tiền Giang	6.3	18.8	7.5			5.5			6.0		6.3	6.3	Trung bình khá
6	20513020	Bùi Trung	Kiên	11/05/1994	Cai Lậy, Tiền Giang	6.5	7.3	6.5			6.0			6.5		6.3	6.4	Trung bình khá
7	20513021	Phan Thị Kim	Liên	02/10/1995	Cai Lậy, Tiền Giang	6.6	7.1	6.0			6.5			8.0		6.8	6.7	Trung bình khá
8	20513022	Võ Thụy Huỳnh	Mai	19/11/1993	Cai Lậy, Tiền Giang	6.5	2.4	7.0			6.0			5.0		6.0	6.3	Trung bình khá
9	20513023	Trần Thị Cẩm	Mộng	29/12/1988	Gò Công, Tiền Giang	7.3	5.6	M			7.5			5.5		6.5	6.9	Trung bình khá
10	20513025	Hồ Thị Thanh	Mỹ	28/05/1990	Cái Bè, Tiền Giang	7.0	9.8	7.0			7.5			8.5		7.7	7.4	Khá
11	20513026	Đỗ Thị Kim	Ngọc	14/06/1995	Cai Lậy, Tiền Giang	6.7	4.7	5.5			6.5			5.0		5.7	6.2	Trung bình khá
12	20513027	Phan Trịnh	Ngôn	21/09/1995	Chợ Gạo, Tiền Giang	6.8	2.4	6.5			6.0			6.5		6.3	6.6	Trung bình khá
13	20513030	Nguyễn Thanh	Phong	11/06/1994	Chợ Gạo, Tiền Giang	6.7	14.1	7.0			7.0			5.0		6.3	6.5	Trung bình khá
14	20513031	Châu Tiến	Phước	19/01/1995	Mỹ Tho, Tiền Giang	6.3	20.0	8.5			5.5			5.5		6.5	6.4	Trung bình khá
15	20513032	Lê Thị Hồng	Phượng	06/11/1994	Tân Phước, Tiền Giang	7.2	2.4	8.0			7.0			6.0		7.0	7.1	Khá
16	20513033	Nguyễn Thị Minh	Quyền	01/04/1994	Cai Lậy, Tiền Giang	6.8	9.4	5.5			5.0			5.0		5.2	6.0	Trung bình khá
17	20513034	Nguyễn Văn	Tân	11/07/1995	Tân Phước, Tiền Giang	7.1	3.5	8.5			7.5			7.0		7.7	7.4	Khá
18	20513035	Nguyễn Thanh	Tập	22/06/1995	Cai Lậy, Tiền Giang	6.7	7.3	5.0			6.0			6.0		5.7	6.2	Trung bình khá
19	20513036	Lê Thị Ngọc	Thắm	10/09/1995	Chợ Gạo, Tiền Giang	6.8	0.0	7.0			6.0			6.5		6.5	6.7	Trung bình khá
20	20513037	Phạm Quốc	Thắng	24/11/1994	Mỹ Tho, Tiền Giang	7.0	11.0	7.0			6.0			6.0		6.3	6.7	Trung bình khá
21	20513038	Nguyễn Thị Thu	Thảo	00/00/1994	Tân Châu, Tây Ninh	6.8	4.7	7.0			6.0			7.5		6.8	6.8	Trung bình khá
22	20513039	Nguyễn Ngọc Phương	Thảo	26/02/1994	Cai Lậy, Tiền Giang	6.9	8.5	7.5			6.0			5.0		6.2	6.6	Trung bình khá
23	20513040	Chung Minh	Thi	02/02/1993	Chợ Gạo, Tiền Giang	6.8	0.0	6.0			7.0			6.0		6.3	6.6	Trung bình khá

TT	Mã học sinh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	TBC TK	TL HT TL (%)	Môn thi tốt nghiệp									Kết quả tốt nghiệp		
								CTTN			LTTH			THNN			TBTN	TBXH	XHTN
								L1	L2	L3	L1	L2	L3	L1	L2	L3			
4	20513041	Trần Ngọc Minh	Thiện	29/05/1995	Gò Công, Tiền Giang	6.9	4.7	6.0			6.5			9.0			7.2	7.1	Khá
5	20513043	Lê Thị Diễm	Trang	07/11/1994	Cai Lậy, Tiền Giang	7.0	1.3	8.0			5.5			6.5			6.7	6.9	Trung bình khá
6	20513045	Lê Thị Mộng	Truyền	01/02/1995	Cai Lậy, Tiền Giang	6.7	3.7	6.0			5.0			6.5			5.8	6.3	Trung bình khá
7	20513046	Nguyễn Minh	Tú	31/10/1992	Chợ Gạo, Tiền Giang	6.4	5.9	6.0			7.0			5.5			6.2	6.3	Trung bình khá
8	20513047	Nguyễn Thái	Tuấn	11/10/1995	Cai Lậy, Tiền Giang	6.9	0.0	7.5			6.5			5.5			6.5	6.7	Trung bình khá
9	20513049	Nguyễn Hoàng	Vũ	10/04/1991	Châu Thành, Tiền Giang	7.0	2.4	8.5			6.0			7.0			7.2	7.1	Khá
0	20513050	Phan Văn	Vũ	01/08/1995	Châu Thành, Tiền Giang	6.5	3.5	8.0			5.0			6.5			6.5	6.5	Trung bình khá

Tổng cộng danh sách này có: 40 học sinh.

- Xét và công nhận tốt nghiệp theo quy chế 22.

Đánh giá tỷ lệ theo xếp loại tốt nghiệp

Xếp loại	SL	Tỉ lệ	Xếp loại	SL	Tỉ lệ
Xuất sắc	0	0.00%	TB Khá	28	70.00%
Giỏi	0	0.00%	TB	0	0.00%
Khá	12	30.00%			

PHÒNG ĐÀO TẠO - NCKH

(Chữ ký)

Phan Thị Dương

Ghi chú:

- TL HT TL: Tỷ lệ học trình thi lại
- TBXH=(TBCTK+TBTN)/2
- Hạng tốt nghiệp sẽ giảm 1 bậc đối với học sinh có kết quả loại XS, Giỏi nếu :
 - + Có TL ĐVHT KĐ>10% (ĐVHT không đạt lần 1 trên tổng ĐVHT toàn khóa)
 - + Bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên
- Thi lại tốt nghiệp:
 - + Thi lại 01 môn xếp loại cao nhất là khá.
 - + Thi lại 02 môn hoặc 01 môn hai lần, xếp loại cao nhất là trung bình khá.

Tiền Giang, ngày 19 tháng 08 năm 2015

HIỆU TRƯỞNG



Tiến sĩ NGUYỄN HÙNG VỊ

DANH SÁCH HỌC SINH KHÔNG ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 116/QĐ-CDYT, ngày 19 tháng 8 năm 2015, của trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang.)

Khóa học: 2013-2015

Ngành DT: Y sĩ

Khoa: Y

Chuyên ngành: Y sĩ

Bậc đào tạo: Trung cấp chính quy

Lớp học: Y sĩ K.DP6A

STT	Mã học sinh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	TBC TK	TL HT TL (%)	Môn thi tốt nghiệp									Kết quả tốt nghiệp		
								CTTN			LTTH			THNN			TBTN	TBXH	XHTN
								L1	L2	L3	L1	L2	L3	L1	L2	L3			
1	20513001	Trần	Nguyễn Quốc An	20/05/1993	Chợ Gạo, Tiền Giang	6.9	7.1	8.5			6.5			3.0			6.0	6.5	Không đạt
2	20513004	Phạm	Hoàng Bảo	10/12/1995	Cai Lậy, Tiền Giang	7.0	7.1	7.0			6.0			3.5			5.5	6.3	Không đạt
3	20513005	Nguyễn	Huy Bình	19/09/1994	Chợ Gạo, Tiền Giang	6.5	5.9	5.0			6.0			2.5			4.5	5.5	Không đạt
4	20513007	Nguyễn	Trung Chánh	25/03/1995	Cái Bè, Tiền Giang	6.7	11.8	5.0			7.0			3.0			5.0	5.9	Không đạt
5	20513024	Nguyễn	Kiều My	12/04/1993	Cai Lậy, Tiền Giang	6.6	9.4	7.5			5.5			4.0			5.7	6.2	Không đạt
6	20513042	Phạm	Nguyễn Đức Thịnh	16/10/1995	Cái Bè, Tiền Giang	6.4	5.9	6.0			4.5			6.0			5.5	6.0	Không đạt

Tổng cộng danh sách này có: 6 học sinh.

- Xét và công nhận tốt nghiệp theo quy chế 22.

PHÒNG ĐÀO TẠO - NCKH

Phan Thị Dương

Tiền Giang, ngày 19 tháng 08 năm 2015

HIỆU TRƯỞNG



Tiến sĩ NGUYỄN HÙNG VỊ

DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC CÔNG NHẬN VÀ CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 116/QĐ-CDYT, ngày 19 tháng 8 năm 2015, của trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang.)

Khóa học: 2013-2015

Ngành ĐT: Y sĩ

Khoa: Y

Chuyên ngành: Y sĩ

Bậc đào tạo: Trung cấp chính quy

Lớp học: Y sĩ K.DP6B



TT	Mã học sinh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	TBC TK	TL HT TL (%)	Môn thi tốt nghiệp									Kết quả tốt nghiệp		
								CTTN			LTTH			THNN			TBTN	TBXH	XHTN
								L1	L2	L3	L1	L2	L3	L1	L2	L3			
1	20513051	Nguyễn Văn	An	24/09/1995	Chợ Gạo, Tiền Giang	6.8	0.0	9.0			6.5			7.0			7.5	7.2	Khá
2	20513052	Đặng Hồng	Ân	11/11/1994	Tân Phú Đông, Tiền Giang	6.7	3.5	8.0			6.0			6.0			6.7	6.7	Trung bình khá
3	20513053	Lê Thị Ngọc	Ánh	16/10/1993	Cai Lậy, Tiền Giang	6.8	10.6	9.0			5.5			5.0			6.5	6.7	Trung bình khá
4	20513056	Nguyễn Thị Linh	Đa	11/07/1995	Tân Phú Đông, Tiền Giang	6.8	9.4	8.5			5.0			6.0			6.5	6.7	Trung bình khá
5	20513058	Nguyễn Thị Hồng	Diễm	12/12/1995	Cai Lậy, Tiền Giang	6.5	11.0	7.0			5.5			6.5			6.3	6.4	Trung bình khá
6	20513059	Nguyễn Văn Tấn	Đù	11/07/1994	Cai Lậy, Tiền Giang	6.8	3.7	7.5			6.5			6.5			6.8	6.8	Trung bình khá
7	20513061	Nguyễn Thị Thanh	Giang	26/10/1995	Châu Thành, Tiền Giang	7.1	1.2	7.0			6.5			7.5			7.0	7.1	Khá
8	20513062	Lê Minh	Hiếu	18/08/1994	Mỹ Tho, Tiền Giang	6.7	4.7	7.5			6.0			7.5			7.0	6.9	Trung bình khá
9	20513063	Lê Hoàng	Hung	04/04/1995	Gò Công Tây, Tiền Giang	7.0	0.0	9.0			6.5			7.0			7.5	7.3	Khá
10	20513065	Phan Thị Kim	Huyền	03/10/1994	Cai Lậy, Tiền Giang	6.7	11.8	8.0			5.0			6.0			6.3	6.5	Trung bình khá
11	20513067	Dương Thị Trúc	Huỳnh	08/03/1995	Cai Lậy, Tiền Giang	6.7	5.9	8.0			5.0			6.0			6.3	6.5	Trung bình khá
12	20513069	Nguyễn Thị Kim	Khánh	14/12/1994	Châu Thành, Tiền Giang	7.0	0.0	7.5			6.0			6.5			6.7	6.9	Trung bình khá
13	20513070	Huỳnh Duy	Khánh	01/06/1994	Cai Lậy, Tiền Giang	6.5	7.1	8.0			5.0			6.0			6.3	6.4	Trung bình khá
14	20513071	Trương Minh	Lâm	20/09/1993	Cai Lậy, Tiền Giang	6.7	7.1	8.5			5.0			7.5			7.0	6.9	Trung bình khá

TT	Mã học sinh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	TBC TK	TL HT TL (%)	Môn thi tốt nghiệp									TRƯỜNG THPT TIỀN GIANG Kết quả tốt nghiệp Y TẾ TRƯỜNG THPT TIỀN GIANG		
								CTTN			LTTH			THNN					
								L1	L2	L3	L1	L2	L3	L1	L2	L3			
5	20513072	Hồ Thị Trúc	Linh	19/02/1995	Cai Lậy, Tiền Giang	6.8	6.1	7.5			5.5			5.0			6.0	6.4	Trung bình khá
6	20513073	Nguyễn Thị Yến	Linh	17/07/1995	Chợ Gạo, Tiền Giang	7.4	0.0	7.0			6.5			8.5			7.3	7.4	Khá
7	20513075	Võ Khánh	Ly	12/05/1995	Cai Lậy, Tiền Giang	6.7	1.2	8.0			6.5			6.0			6.8	6.8	Trung bình khá
8	20513077	Lê Minh	Nghiêm	13/05/1987	Cai Lậy, Tiền Giang	7.2	0.0	M			7.5			5.5			6.5	6.9	Trung bình khá
9	20513078	Trần Quốc	Nhân	12/07/1981	Mỹ Tho, Tiền Giang	7.2	0.0	M			6.5			9.0			7.8	7.5	Khá
10	20513079	Lê Trung	Nhi	18/08/1995	Cai Lậy, Tiền Giang	6.9	3.5	7.5			6.5			5.5			6.5	6.7	Trung bình khá
11	20513080	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	25/11/1995	Cai Lậy, Tiền Giang	6.8	11.8	7.5			5.5			7.5			6.8	6.8	Trung bình khá
12	20513081	Lê Thị	Nhung	07/10/1994	Cai Lậy, Tiền Giang	7.1	0.0	8.0			7.0			5.5			6.8	7.0	Khá
13	20513084	Võ Tấn	Tài	28/06/1994	Cai Lậy, Tiền Giang	6.5	5.9	6.0			5.5			5.0			5.5	6.0	Trung bình khá
14	20513085	Hồ Phú	Tâm	08/03/1994	Gò Công Đông, Tiền Giang	6.4	5.9	8.0			6.0			7.0			7.0	6.7	Trung bình khá
15	20513086	Lương Thị Hồng	Thắm	20/12/1994	Cai Lậy, Tiền Giang	7.2	4.7	8.5			7.0			6.0			7.2	7.2	Khá
16	20513087	Nguyễn Thị Kim	Thoại	10/02/1991	Châu Thành, Tiền Giang	7.7	0.0	M			6.5			6.0			6.3	7.0	Khá
17	20513088	Dương Thị Hồng	Thủy	19/04/1994	Tân Phú Đông, Tiền Giang	7.5	5.9	8.5			7.0			5.0			6.8	7.2	Khá
18	20513089	Nguyễn Ngọc Anh	Thy	29/10/1995	Mỹ Tho, Tiền Giang	7.2	1.2	7.0			7.5			5.0			6.5	6.9	Trung bình khá
19	20513090	Trần Lê Thị Tiên	Tiến	14/10/1995	Chợ Gạo, Tiền Giang	6.7	6.1	6.5			6.5			7.0			6.7	6.7	Trung bình khá
20	20513091	Lê Thị Sông	Tiền	02/08/1995	Cai Lậy, Tiền Giang	7.0	4.9	7.0			6.5			7.5			7.0	7.0	Khá
21	20513092	Võ Thị Thanh	Trúc	12/07/1994	Mỹ Tho, Tiền Giang	6.9	6.1	7.0			6.5			7.0			6.8	6.9	Trung bình khá
22	20513094	Phạm Thanh	Tú	16/07/1995	Cai Lậy, Tiền Giang	6.7	0.0	9.0			6.5			6.5			7.3	7.0	Khá
23	20513095	Trần Hữu	Tuấn	04/01/1995	Mỹ Tho, Tiền Giang	6.8	5.9	7.5			6.5			6.0			6.7	6.8	Trung bình khá



TT	Mã học sinh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	TBC TK	TL HT TL (%)	Môn thi tốt nghiệp									Kết quả tốt nghiệp		
							CTTN			LTTH			THNN			TBTN	TBXH	XHTN
							L1	L2	L3	L1	L2	L3	L1	L2	L3			
34	20513096	Nguyễn Thị Bích Tuyền	09/02/1994	Gò Công, Tiền Giang	6.8	2.4	8.5			5.5			5.0			6.3	6.6	Trung bình khá
35	20513099	Trần Thị Khánh Vy	15/01/1994	Cai Lậy, Tiền Giang	6.7	5.9	8.5			6.0			5.5			6.7	6.7	Trung bình khá
36	20513100	Ngô Thị Kim Yến	01/05/1995	Châu Thành, Tiền Giang	7.7	0.0	9.5			7.5			7.0			8.0	7.9	Khá

Tổng cộng danh sách này có: 36 học sinh.

- Xét và công nhận tốt nghiệp theo quy chế 22.

Đánh giá tỷ lệ theo xếp loại tốt nghiệp

Xếp loại	SL	Tỉ lệ	Xếp loại	SL	Tỉ lệ
Xuất sắc	0	0.00%	TB Khá	24	66.67%
Giỏi	0	0.00%	TB	0	0.00%
Khá	12	33.33%			

PHÒNG ĐÀO TẠO - NCKH

(Chữ ký)

Phan Thị Dương

Ghi chú:

- TL HT TL: Tỷ lệ học trình thi lại

- TBXH=(TBCTK+TBTN)/2

- Hạng tốt nghiệp sẽ giảm 1 bậc đối với học sinh có kết quả loại XS, Giỏi nếu :

+ Có TL ĐVHT KĐ>10% (ĐVHT không đạt lần 1 trên tổng ĐVHT toàn khóa)

+ Bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên

- Thi lại tốt nghiệp:

+ Thi lại 01 môn xếp loại cao nhất là khá.

+ Thi lại 02 môn hoặc 01 môn hai lần, xếp loại cao nhất là trung bình khá.

Tiền Giang, ngày 19 tháng 08 năm 2015

HIỆU TRƯỞNG



Tiến sĩ NGUYỄN HÙNG VĨ

DANH SÁCH HỌC SINH KHÔNG ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 116/QĐ-CDYT, ngày 19 tháng 8 năm 2015, của trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang.)

Khóa học: 2013-2015

Ngành DT: Y sĩ

Khoa: Y

Chuyên ngành: Y sĩ

Bậc đào tạo: Trung cấp chính quy

Lớp học: Y sĩ K.DP6B

STT	Mã học sinh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	TBC TK	TL HT TL (%)	Môn thi tốt nghiệp									Kết quả tốt nghiệp		
								CTTN			LTTH			THNN			TBTN	TBXH	XHTN
								L1	L2	L3	L1	L2	L3	L1	L2	L3			
1	20513068	Đoàn Lê Công	Khánh	20/07/1995	Chợ Gạo, Tiền Giang	6.6	4.7	8.0			5.5			1.5			5.0	5.8	Không đạt
2	20513076	Nguyễn Thanh	Nghĩa	25/11/1990	Gò Công Đông, Tiền Giang	6.7	9.4	7.0			6.0			3.5			5.5	6.1	Không đạt
3	20513083	Bùi Ngọc	Sơn	21/01/1993	Mỹ Tho, Tiền Giang	6.6	2.4	7.0			4.5			6.0			5.8	6.2	Không đạt
4	20513097	Trần Thị Kim	Tuyền	15/03/1993	Cái Bè, Tiền Giang	6.6	6.1	7.5			6.0			4.0			5.8	6.2	Không đạt

Tổng cộng danh sách này có: 4 học sinh.

- Xét và công nhận tốt nghiệp theo quy chế 22.

PHÒNG ĐÀO TẠO - NCKH

Phan Thị Dương

Tiền Giang, ngày 19 tháng 08 năm 2015

HIỆU TRƯỞNG



Tiến sĩ NGUYỄN HÙNG VĨ

DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC CÔNG NHẬN VÀ CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 116/QĐ-CDYT, ngày 19 tháng 8 năm 2015, của trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang.)

Khóa học: 2013-2015

Ngành ĐT: Y sĩ

Khoa: Y

Chuyên ngành: Y sĩ

Bậc đào tạo: Trung cấp chính quy

Lớp học: Y sĩ K.DP6C

TT	Mã học sinh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	TBC TK	TL HT TL (%)	Môn thi tốt nghiệp									Kết quả tốt nghiệp		
								CTTN			LTTH			THNN			TBTN	TBXH	XHTN
1	20513101	Nguyễn Giảng Kim	Biển	27/01/1992	Gò Công Tây, Tiền Giang	6.7	2.7	8.0			7.0			6.0			7.0	6.9	Trung bình khá
2	20513103	Ngô Minh	Châu	02/01/1988	Châu Thành, Tiền Giang	7.3	1.2	6.5			6.5			9.0			7.3	7.3	Khá
3	20513105	Trần Chí	Công	01/01/1992	Châu Thành, Tiền Giang	6.6	8.2	8.5			6.5			6.0			7.0	6.8	Trung bình khá
4	20513107	Dương Thị Ngọc	Dung	20/11/1995	Cái Bè, Tiền Giang	6.8	3.5	7.5			7.0			6.5			7.0	6.9	Trung bình khá
5	20513108	Trần Cầm	Giang	13/03/1994	Mỹ Tho, Tiền Giang	6.9	4.9	8.0			7.5			5.0			6.8	6.9	Trung bình khá
6	20513110	Nguyễn Thanh	Hùng	17/08/1995	Mỹ Tho, Tiền Giang	6.9	7.1	7.0			7.5			5.5			6.7	6.8	Trung bình khá
7	20513111	Lê Nguyễn Kim	Khánh	17/07/1995	Châu Thành, Bến Tre	7.0	2.4	7.0			8.0			8.5			7.8	7.4	Khá
8	20513114	Trần Ái	Line	29/01/1995	Mỏ Cày Bắc, Bến Tre	6.9	1.2	5.0			6.5			7.5			6.3	6.6	Trung bình khá
9	20513115	Nguyễn Thị Trúc	Linh	09/11/1995	Gò Công Đông, Tiền Giang	7.2	1.2	9.0			7.0			8.0			8.0	7.6	Khá
0	20513116	Châu Thành	Luân	01/10/1988	Mỹ Tho, Tiền Giang	6.9	8.2	6.5			7.5			5.0			6.3	6.6	Trung bình khá
1	20513117	Võ Hoàng	Nam	17/01/1994	Mỹ Tho, Tiền Giang	7.1	3.5	7.5			7.5			6.0			7.0	7.1	Khá
2	20513118	Đỗ Sông	Ngân	25/08/1993	Bình Đại, Bến Tre	7.1	7.1	M			7.5			5.0			6.3	6.7	Trung bình khá
3	20513120	Lê Bảo Quốc	Nghĩa	20/08/1995	Gò Công Tây, Tiền Giang	6.8	11.8	8.0			7.0			5.5			6.8	6.8	Trung bình khá
4	20513121	Phan Hữu	Nhân	20/02/1995	Châu Thành, Tiền Giang	6.7	15.3	5.5			6.5			5.0			5.7	6.2	Trung bình khá
5	20513123	Phạm Nguyễn Huỳnh	Như	22/02/1995	TX. Bến Tre, Bến Tre	6.6	5.9	5.0			7.5			5.0			5.8	6.2	Trung bình khá
6	20513124	Dương Huỳnh	Như	12/01/1995	Mỹ Tho, Tiền Giang	6.7	3.5	8.0			7.0			5.5			6.8	6.8	Trung bình khá
7	20513127	Trần Hưng	Phát	13/08/1995	Mỹ Tho, Tiền Giang	6.6	16.5	8.0			7.0			8.0			7.7	7.2	Khá
8	20513128	Ngô Văn	Phúc	20/09/1995	Gò Công, Tiền Giang	6.7	8.2	7.5			7.0			6.5			7.0	6.9	Trung bình khá
9	20513129	Trần Thị Tố	Quyên	27/02/1994	Bình Đại, Bến Tre	7.0	4.9	8.0			7.5			6.0			7.2	7.1	Khá
0	20513130	Nguyễn Thị Phương	Quyên	15/12/1995	Tân Thạnh, Long An	6.8	5.9	8.5			6.5			5.5			6.8	6.8	Trung bình khá
1	20513132	Nguyễn Trọng	Thanh	11/02/1995	Tứ Kỳ, Hải Dương	7.0	10.6	7.0			7.5			8.0			7.5	7.3	Khá

TT	Mã học sinh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	TBC TK	TL HT TL (%)	Môn thi tốt nghiệp									Kết quả tốt nghiệp		
								CTTN			LTTH			THNN			TBTN	TBXH	XHTN
								L1	L2	L3	L1	L2	L3	L1	L2	L3			
22	20513134	Nguyễn Huỳnh	Thịnh	20/04/1995	Mỹ Tho, Tiền Giang	6.8	8.2	6.5			5.0			5.0			5.5	6.2	Trung bình khá
23	20513135	Văn Thị Kim	Thoa	15/04/1995	Chợ Gạo, Tiền Giang	6.7	8.2	7.5			6.0			6.5			6.7	6.7	Trung bình khá
24	20513137	Nguyễn Minh	Tiến	16/10/1994	Bình Đại, Bến Tre	6.2	8.2	5.5			5.5			5.5			5.5	5.9	Trung bình
25	20513138	Hồ Việt	Tính	07/12/1992	Châu Thành, Tiền Giang	6.8	2.4	8.0			7.5			8.0			7.8	7.3	Khá
26	20513139	Nguyễn Quốc	Trạng	16/03/1995	Tân Thạnh, Long An	6.7	2.4	8.5			7.0			7.5			7.7	7.2	Khá
27	20513140	Phạm Văn	Trị	24/01/1995	Thạnh Phú, Bến Tre	6.6	7.1	8.0			6.5			5.0			6.5	6.6	Trung bình khá
28	20513141	Nguyễn Thị	Trúc	15/08/1993	Mỏ Cày Bắc, Bến Tre	6.7	5.9	9.0			6.5			5.0			6.8	6.8	Trung bình khá
29	20513142	Nguyễn Thị Ngọc	Trúc	10/12/1995	Cai Lậy, Tiền Giang	6.8	1.2	8.0			6.0			7.5			7.2	7.0	Khá
30	20513143	Nguyễn Thanh	Tuấn	18/12/1995	Tân Phước, Tiền Giang	6.8	3.5	8.0			7.5			6.5			7.3	7.1	Khá
31	20513144	Phạm Duy	Tuấn	04/03/1990	Cai Lậy, Tiền Giang	7.5	1.2	8.5			8.0			8.5			8.3	7.9	Khá
32	20513146	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	19/04/1995	Mỹ Tho, Tiền Giang	6.9	5.9	7.5			6.0			5.5			6.3	6.6	Trung bình khá
33	20513147	Võ Thị Kim	Uyên	27/10/1995	Chợ Gạo, Tiền Giang	7.2	1.2	7.5			6.5			5.5			6.5	6.9	Trung bình khá
34	20513149	Huỳnh Thị Ngọc	Yến	30/08/1995	Cai Lậy, Tiền Giang	6.5	5.9	7.0			6.0			7.0			6.7	6.6	Trung bình khá

Tổng cộng danh sách này có: 34 học sinh.

- Xét và công nhận tốt nghiệp theo quy chế 22.

Đánh giá tỷ lệ theo xếp loại tốt nghiệp

Xếp loại	SL	Tỉ lệ	Xếp loại	SL	Tỉ lệ
Xuất sắc	0	0.00%	TB Khá	21	61.76%
Giỏi	0	0.00%	TB	1	2.94%
Khá	12	35.29%			

PHÒNG ĐÀO TẠO - NCKH

Phan Thị Dương

Ghi chú:

- TL HT TL: Tỷ lệ học trình thi lại
- TBXH=(TBCTK+TBTN)/2
- Hạng tốt nghiệp sẽ giảm 1 bậc đối với học sinh có kết quả loại XS, Giỏi nếu :
 - + Có TL ĐVHT KĐ>10% (ĐVHT không đạt lần 1 trên tổng ĐVHT toàn khóa)
 - + Bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên
- Thi lại tốt nghiệp:
 - + Thi lại 01 môn xếp loại cao nhất là khá.
 - + Thi lại 02 môn hoặc 01 môn hai lần, xếp loại cao nhất là trung bình khá.

Tiền Giang, ngày 19 tháng 08 năm 2015

HIỆU TRƯỞNG



Tiến sĩ NGUYỄN HÙNG VĨ

DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC CÔNG NHẬN VÀ CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 116/QĐ-CDYT, ngày 19 tháng 8 năm 2015, của trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang.)

Khóa học: 2013-2015

Ngành DT: Y sĩ

Khoa: Y

Chuyên ngành: Y sĩ

Bậc đào tạo: Trung cấp chính quy

Lớp học: Y sĩ K.DP6D

STT	Mã học sinh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	TBC TK	TL HT TL (%)	Môn thi tốt nghiệp									Kết quả tốt nghiệp		
							CTTN			LTTH			THNN			TBTN	TBXH	XHTN
							L1	L2	L3	L1	L2	L3	L1	L2	L3			
1	20513151	Nguyễn Minh Nhựt	Bản	31/10/1995	Mỹ Tho, Tiền Giang	6.5	11.0	8.5			6.5			5.5		6.8	6.7	Trung bình khá
2	20513153	Nguyễn Thị Trúc	Đào	11/04/1995	Chợ Lách, Bến Tre	7.1	0.0	9.0			8.0			7.0		8.0	7.6	Khá
3	20513154	Đặng Hoàng	Dịnh	25/12/1994	Thới Bình, Cà Mau	7.0	0.0	6.5			6.5			8.0		7.0	7.0	Khá
4	20513155	Lương Hoàng Ngọc	Đoan	13/01/1995	Chợ Gạo, Tiền Giang	6.9	0.0	8.0			8.0			6.5		7.5	7.2	Khá
5	20513157	Nguyễn Thị Thùy	Dương	09/04/1995	Tân Phước, Tiền Giang	6.7	7.1	8.0			6.0			5.0		6.3	6.5	Trung bình khá
6	20513158	Nguyễn Khánh	Duy	02/01/1995	Cai Lậy, Tiền Giang	7.0	1.2	8.0			6.5			5.5		6.7	6.9	Trung bình khá
7	20513159	Nguyễn Trường	Duy	02/10/1993	Cai Lậy, Tiền Giang	6.7	4.7	8.0			6.5			6.5		7.0	6.9	Trung bình khá
8	20513160	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	29/07/1995	TP.Bến Tre, Bến Tre	7.1	12.9	8.5			7.5			6.0		7.3	7.2	Khá
9	20513162	Nguyễn Ngọc	Hân	25/04/1994	Cai Lậy, Tiền Giang	7.1	3.5	7.5			7.0			5.5		6.7	6.9	Trung bình khá
10	20513163	Mai Hoàn	Hân	21/05/1989	Tân Phước, Tiền Giang	7.6	2.4	8.5			8.0			5.0		7.2	7.4	Khá
11	20513165	Nguyễn Thị Phượng	Hằng	20/05/1994	Cai Lậy, Tiền Giang	6.8	4.7	8.0			5.5			7.0		6.8	6.8	Trung bình khá
12	20513166	Nguyễn Lê Thanh	Hiếu	23/02/1994	Cái Bè, Tiền Giang	6.6	4.9	8.0			6.5			7.5		7.3	7.0	Khá
13	20513167	Nguyễn Thị Kim	Hoa	00/00/1995	Châu Thành, Tiền Giang	7.2	0.0	7.5			7.0			6.5		7.0	7.1	Khá
14	20513169	Trương Đình	Huân	24/10/1994	Cái Bè, Tiền Giang	6.7	3.5	7.5			6.0			5.5		6.3	6.5	Trung bình khá
15	20513171	Nguyễn Thị Thanh	Lan	18/10/1995	Chợ Gạo, Tiền Giang	7.1	1.2	7.5			6.0			7.0		6.8	7.0	Khá
16	20513172	Nguyễn Dương Ngọc	Linh	26/02/1995	Châu Thành, Tiền Giang	6.8	5.9	7.0			5.0			6.0		6.0	6.4	Trung bình khá
17	20513173	Trần Thị Thanh	Lộc	24/07/1993	Cai Lậy, Tiền Giang	6.7	4.7	7.0			6.0			6.5		6.5	6.6	Trung bình khá

STT	Mã học sinh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	TBC TK	TL HT TL (%)	Môn thi tốt nghiệp									Kết quả tốt nghiệp		
								CTTN			LTTH			THNN			TBTN	TBXH	XHTN
								L1	L2	L3	L1	L2	L3	L1	L2	L3			
8	20513174	Lê Vũ Đắc	Lợi	21/09/1994	Mỹ Tho, Tiền Giang	6.5	10.6	6.5			6.0			5.0			5.8	6.2	Trung bình khá
9	20513175	Nguyễn Cao Tấn	Lợi	25/10/1995	Cái Bè, Tiền Giang	6.8	4.9	5.0			6.5			5.0			5.5	6.2	Trung bình khá
10	20513176	Nguyễn Thanh	Lòng	17/03/1992	Châu Thành, Tiền Giang	6.6	2.4	7.0			7.0			5.0			6.3	6.5	Trung bình khá
11	20513177	Trần Thị Kim	Lượng	20/12/1995	Cai Lậy, Tiền Giang	6.7	2.4	7.5			6.5			7.5			7.2	7.0	Khá
12	20513178	Phan Thị Diễm	My	02/06/1992	Cai Lậy, Tiền Giang	6.5	3.5	8.0			6.0			5.0			6.3	6.4	Trung bình khá
13	20513179	Đặng Nguyễn Kim	Ngân	08/08/1995	Cai Lậy, Tiền Giang	6.6	8.5	5.5			6.5			5.0			5.7	6.2	Trung bình khá
14	20513182	Nguyễn Hữu	Nhân	20/07/1993	Gò Công Tây, Tiền Giang	6.7	1.2	8.0			7.0			7.5			7.5	7.1	Khá
15	20513183	Nguyễn Thị Yến	Nhi	10/08/1995	Cai Lậy, Tiền Giang	7.7	1.2	8.5			7.5			7.0			7.7	7.7	Khá
16	20513184	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	05/12/1995	Châu Thành, Tiền Giang	7.5	1.2	8.5			7.5			5.5			7.2	7.4	Khá
17	20513187	Bùi Phú	Quý	19/10/1995	Tháp Mười, Đồng Tháp	6.8	8.2	7.5			6.5			5.5			6.5	6.7	Trung bình khá
18	20513188	Lê Thị Tú	Quyên	26/01/1994	Mô Cày Nam, Bến Tre	6.8	12.2	8.5			6.5			6.5			7.2	7.0	Khá
19	20513190	Lê Thị Diễm	Sương	24/05/1995	Cái Bè, Tiền Giang	7.0	3.5	8.5			7.0			5.0			6.8	6.9	Trung bình khá
20	20513191	Nguyễn Thị Tuyết	Sương	04/12/1995	Tân Phú Đông, Tiền Giang	7.1	0.0	8.5			7.5			9.0			8.3	7.7	Khá
21	20513192	Phan Lý Đức	Tài	01/10/1995	Cai Lậy, Tiền Giang	6.6	5.9	7.5			7.5			7.0			7.3	7.0	Khá
22	20513195	Huỳnh Phạm Phương	Thảo	17/12/1995	Cai Lậy, Tiền Giang	7.5	0.0	8.0			7.5			7.0			7.5	7.5	Khá
23	20513196	Trần Thị Thu	Thảo	18/06/1995	Cai Lậy, Tiền Giang	7.8	0.0	8.5			7.5			6.5			7.5	7.7	Khá
24	20513197	Cao Thị Thu	Thủy	16/10/1993	Cai Lậy, Tiền Giang	7.3	1.2	8.0			7.0			6.0			7.0	7.2	Khá
25	20513200	Trần Thanh	Tiếp	02/01/1995	Châu Thành, Tiền Giang	6.7	7.1	6.0			6.5			5.0			5.8	6.3	Trung bình khá
26	20513201	Nguyễn Thanh	Trà	04/06/1995	Cai Lậy, Tiền Giang	7.1	5.9	8.0			7.0			5.5			6.8	7.0	Khá
27	20513202	Lê Quốc Bích	Trâm	03/03/1995	101/6A Lê Thị Hồng Gấm, Phường 6, Mỹ Tho, Tiền Giang	6.9	8.2	8.0			7.0			5.0			6.7	6.8	Trung bình khá
28	20513203	Nguyễn Ngọc Thảo	Trâm	03/05/1982	Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh	8.3	0.0	M			8.5			10			9.3	8.8	Giỏi
29	20513204	Nguyễn Huỳnh Ngọc	Trân	23/05/1995	Cai Lậy, Tiền Giang	7.3	1.2	8.5			7.5			5.0			7.0	7.2	Khá
30	20513207	Nguyễn Thị Mộng	Trình	11/11/1995	Tân Phú Đông, Tiền Giang	7.0	3.7	8.5			7.0			6.0			7.2	7.1	Khá

T	Mã học sinh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	TBC TK	TL HT TL (%)	Môn thi tốt nghiệp									Kết quả tốt nghiệp		
							CTTN			LTTH			THNN			TBTN	TBXH	XHTN
							L1	L2	L3	L1	L2	L3	L1	L2	L3			
1	20513210	Đặng Thị Mỹ	Trường	18/09/1995	Cai Lậy, Tiền Giang	7.6	0.0	8.5		8.0		8.0				8.2	7.9	Khá
2	20513211	Phạm Thị Cẩm	Tú	18/04/1995	Chợ Gạo, Tiền Giang	7.5	2.4	8.5		7.0		6.0				7.2	7.4	Khá
3.	20513212	Trần Thúy	Vi	31/12/1995	Cai Lậy, Tiền Giang	6.7	1.2	8.0		7.0		8.5				7.8	7.3	Khá

Tổng cộng danh sách này có: **43 học sinh.**

- Xét và công nhận tốt nghiệp theo quy chế 22.

Đánh giá tỷ lệ theo xếp loại tốt nghiệp

Xếp loại	SL	Tỉ lệ	Xếp loại	SL	Tỉ lệ
Xuất sắc	0	0.00%	TB Khá	18	41.86%
Giỏi	1	2.33%	TB	0	0.00%
Khá	24	55.81%			

PHÒNG ĐÀO TẠO - NCKH


BS. Trần Chánh Hải

Ghi chú:

- TL HT TL: Tỷ lệ học trình thi lại
- TBXH=(TBCTK+TBTN)/2
- Hạng tốt nghiệp sẽ giảm 1 bậc đối với học sinh có kết quả loại XS, Giỏi nếu :
 - + Có TL ĐVHT KĐ>10% (ĐVHT không đạt lần 1 trên tổng ĐVHT toàn khóa)
 - + Bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên
- Thi lại tốt nghiệp:
 - + Thi lại 01 môn xếp loại cao nhất là khá.
 - + Thi lại 02 môn hoặc 01 môn hai lần, xếp loại cao nhất là trung bình khá.

Tiền Giang, ngày 19 tháng 08 năm 2015

HIỆU TRƯỞNG




NGUYỄN HÙNG VĨ

DANH SÁCH HỌC SINH KHÔNG ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 116/QĐ-CDYT, ngày 19 tháng 8 năm 2015, của trường Cao đẳng Y tế Tiền Giang.)

Khóa học: 2013-2015

Ngành ĐT: Y sĩ

Khoa: Y

Chuyên ngành: Y sĩ

Bậc đào tạo: Trung cấp chính quy

Lớp học: Y sĩ K.DP6D

STT	Mã học sinh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	TBC TK	TL HT TL (%)	Môn thi tốt nghiệp									Kết quả tốt nghiệp		
								CTTN			LTTH			THNN			TBTN	TBXH	XHTN
								L1	L2	L3	L1	L2	L3	L1	L2	L3			
1	20513156	Đoàn Thị Mỹ	Dung	08/10/1995	Tân Phước, Tiền Giang	6.4	14.1	5.0			6.5			4.0			5.2	5.8	Không đạt
2	20513161	Nguyễn Thanh	Hải	20/02/1992	Chợ Gạo, Tiền Giang	7.3	1.4	M			6.5			4.5			5.5	6.4	Không đạt
3	20513164	Lê Thị Trúc	Hằng	00/00/1992	Cai Lậy, Tiền Giang	6.5	3.5	5.0			5.0			4.5			4.8	5.7	Không đạt
4	20513168	Nguyễn Thị Thu	Hồng	12/01/1995	Châu Thành, Tiền Giang	6.5	2.4	6.5			6.5			4.5			5.8	6.2	Không đạt
5	20513170	Nguyễn Lê Đăng	Khải	29/03/1995	Cai Lậy, Tiền Giang	7.1	7.1	8.0			7.0			4.5			6.5	6.8	Không đạt
6	20513193	Ngô Nhân	Tâm	05/03/1994	Gò Công Đông, Tiền Giang	6.9	5.9	8.0			7.0			1.5			5.5	6.2	Không đạt
7	20513198	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	30/11/1995	Cái Bè, Tiền Giang	6.5	9.4	3.5			5.0			5.5			4.7	5.6	Không đạt
8	20513199	Nguyễn Minh	Tiến	03/11/1995	Cai Lậy, Tiền Giang	7.1	5.9	7.5			7.0			3.0			5.8	6.5	Không đạt
9	20513205	Nguyễn Thị Tuyết	Trang	29/01/1995	Thanh Bình, Đồng Tháp	7.0	2.4	7.5			6.5			3.0			5.7	6.4	Không đạt
10	20513206	Phạm Quốc	Trí	15/05/1995	Tân Phú Đông, Tiền Giang	6.8	7.1	8.0			6.5			4.0			6.2	6.5	Không đạt
11	20513209	Nguyễn Chánh	Trung	13/06/1986	Mỹ Tho, Tiền Giang	6.3	16.5	8.0			6.5			2.0			5.5	5.9	Không đạt

Tổng cộng danh sách này có: 11 học sinh.

- Xét và công nhận tốt nghiệp theo quy chế 22.

PHÒNG ĐÀO TẠO - NCKH


BS. Trần Thanh Hải

Tiền Giang, ngày 19 tháng 08 năm 2015



NGUYỄN HÙNG VĨ